

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Nhật
- Ông Nguyễn Văn Cung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thuỳ Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 2805/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Phương B, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Nhu C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương B trình bày: Chị và anh Ngô Nhu C quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2012 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nhưng vì con nên chị chịu đựng. Mâu thuẫn trầm trọng vào cuối năm 2025, nguyên nhân do anh C ngoại tình, dẫn người phụ nữ khác về nhà. Anh C lừa mẹ con chị về nhà ngoại chơi rồi thuê taxi đưa người yêu cùng gia đình về nhà. Chị theo dõi camera và tin nhắn điện

thoại của anh C mới biết anh ngoại tình nhưng khi chị nói thì anh chối và nói người ta có chồng rồi, không liên quan. Vợ chồng kinh cãi nên chị đưa con về nhà mẹ ruột sống từ đó cho đến nay hơn 3 tháng. Mẹ chồng còn bệnh vực bảo chị muốn đi đâu thì đi. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên là Ngô Thiên M, sinh ngày 22/7/2013 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 22/3/2016. Chị yêu cầu nuôi dưỡng Ngô Quỳnh N, yêu cầu anh C nuôi dưỡng Ngô Thiên M, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 08 tháng 7 năm 2025, chị B yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn anh Ngô Nhu C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị B được ly hôn với anh C và giao các cháu Ngô Thiên M, sinh ngày 22/7/2013 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 22/3/2016 cho chị B được quyền nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Phương B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Ngô Nhu C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngô Nhu C đang cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh C.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Ngô Nhu C cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh Ngô Nhu C không

có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của chị Đỗ Thị Phương B cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và biên bản xác minh do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương B và anh Ngô Nhu C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) nên hôn nhân giữa chị B, anh C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị B yêu cầu ly hôn với anh C vì anh chị không còn tình cảm. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên chị B nộp đơn ly hôn, anh C không đến Tòa cũng không đưa ra ý kiến, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng còn chị B kiên quyết xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không có bất kỳ giải pháp nào kết nối. Như vậy, hôn nhân giữa chị B và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Phương B, chị B được ly hôn với anh Ngô Nhu C.

[5] Về quan hệ con chung: Chị B và anh C có 02 con chung là cháu Ngô Thiên M, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2013 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016. Chị B yêu cầu giao hai con chung cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con đồng thời phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Cháu M, cháu N đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của các cháu cũng muốn được ở với mẹ. Việc giao con cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng là đáp ứng yêu cầu phát triển của cháu M, cháu N và để ổn định cuộc sống cho các cháu nên áp dụng Điều 81 của pháp luật giao cháu Ngô Thiên M, Ngô Quỳnh N cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị B được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao cháu Ngô Thiên M, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2013 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Phương B ly hôn anh Ngô Nhu C.

2. Giao con chung là Ngô Thiên M, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2013 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016 cho chị Đỗ Thị Phương B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu M, cháu N đang sống với chị B; Anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Phương B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002777 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước (Số 01/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu

